ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG VIỆT HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:3529 /TB-UBND	*Việt Hòa, ngày* 10 *tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình và Danh mục TTHC không cung cấp DVCTT thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế

Thực hiện Công văn số 12738/SYT-TCHC ngày 05/11/2026 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc công khai danh mục thủ tục hành chính (TTHC) thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế *(ban hành kèm theo Quyết định số 3398/QĐ-BYT ngày 04/11/2026 của Bộ Y tế);* Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa thông báo niêm yết công khai và hướng dẫn thực hiện các Danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Y tế trên địa bàn phường với các nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung niêm yết công khai các Danh mục Phụ lục TTHC

Công khai toàn bộ các Danh mục TTHC ban hành kèm theo Công văn số 12738/SYT-TCHC ngày 05/11/2026 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng và Quyết định số 3398/QĐ-BYT ngày 04/11/2026 của Bộ Y tế *(Chi tiết văn bản kèm theo Phụ lục I và Phụ lục II bên dưới):*

a) Phụ lục I: Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình, một phần thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế

- Bao gồm 129 TTHC thuộc các cấp quản lý và lĩnh vực chuyên ngành:

+ Thủ tục hành chính cấp tỉnh (117 thủ tục): Thuộc các lĩnh vực Tổ chức cán bộ (02); Khoa học và Đào tạo (02); Thi đua khen thưởng (02); Y học cổ truyền (11); Khám bệnh, chữa bệnh (23); Phòng bệnh (37); Mỹ phẩm (06); Thiết bị y tế (06); Dược phẩm (14); An toàn thực phẩm (13); Bảo trợ xã hội (06); Phòng chống tệ nạn (05).

+ Thủ tục hành chính dùng chung cấp tỉnh, xã (06 thủ tục): Thuộc các lĩnh vực Bảo trợ xã hội (02); Phòng chống tệ nạn xã hội (01); Trẻ em (02); Thi đua khen thưởng (01).

+ Thủ tục hành chính cấp xã trực tiếp thực hiện (10 thủ tục): Thuộc lĩnh vực Bảo trợ xã hội (06 thủ tục, trong đó 05 thủ tục thực hiện DVCTT một phần và 01 thủ tục toàn trình) và lĩnh vực Trẻ em (04 thủ tục thực hiện DVCTT một phần).

b) Phụ lục II: Danh mục thủ tục hành chính không cung cấp DVCTT hoặc không cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế

- Bao gồm 12 TTHC thuộc các lĩnh vực Dân số và Trẻ em (03), Khám chữa bệnh (01), Đào tạo và Nghiên cứu khoa học (01), Kiểm dịch y tế (01), Bảo hiểm y tế (06) do đặc thù quy trình chuyên môn hoặc cơ quan tiếp nhận riêng biệt.

2. Hình thức niêm yết và địa chỉ tra cứu

- Niêm yết bảng giấy và quét mã QR tra cứu Phụ lục chi tiết tại Bảng niêm yết thủ tục hành chính của Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Việt Hòa.

- Đăng tải toàn văn các Phụ lục Danh mục TTHC trên Trang thông tin điện tử phường Việt Hòa và thông báo qua Hệ thống đài truyền thanh phường để các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở y tế/dược/mỹ phẩm và Nhân dân trên địa bàn dễ dàng tra cứu, thực hiện.

- Tra cứu trực tuyến trên Trang thông tin điện tử Sở Y tế thành phố Hải Phòng tại địa chỉ: https://soyte.haiphong.gov.vn

3. Tổ chức thực hiện

a) Trung tâm Phục vụ hành chính công phường

Niêm yết công khai đầy đủ 02 Phụ lục Danh mục TTHC nêu trên; phân công cán bộ, công chức hướng dẫn, tiếp nhận và hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ TTHC trực tuyến (đặc biệt là 10 TTHC thuộc thẩm quyền cấp xã trong Phụ lục I) qua Cổng Dịch vụ công theo đúng quy định.

b) Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường

Đăng tải nội dung Thông báo kèm file Phụ lục Danh mục TTHC lên Trang thông tin điện tử phường; xây dựng bản tin phát thanh tuyên truyền thường xuyên trên Đài truyền thanh phường.

c) Trạm Y tế phường

Phối hợp phổ biến, hướng dẫn các cơ sở hành nghề y, dược, kinh doanh thực phẩm, mỹ phẩm và người dân trên địa bàn nắm bắt các thủ tục thực hiện DVCTT và các thủ tục có quy định riêng tại Phụ lục II.

Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Nhân dân trên địa bàn phường biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo UBND phường;
- Trạm Y tế phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công phường;
- Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường;
- Tổ trưởng các tổ dân phố;
- Lưu: VT, VHXH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG VIỆT HÒA T.P HẢI PHÒNG

Nguyễn Văn Huy

PHỤ LỤC I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TOÀN TRÌNH, MỘT PHẦN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2026 của UBND phường Việt Hòa)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Dịch vụ công trực tuyến	
			Toàn trình	Một phần
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ (2)			
1	1.013871	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.		**x**
2	1.013876	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.		**x**
II. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO (2)				
1	1.013824	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh.		**x**
2	1.004539	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố		**x**
II. LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG (2)				
1	1.009346	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng.		**x**
2	1.009249	Xét tặng giải thưởng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền.		**x**
III. LĨNH VỰC Y HỌC CỔ TRUYỀN (11)				
1	1.012419	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia		**x**

		truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền		
2	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền		**x**
3	1.012417	Cấp lại giấy chứng nhận lương y		**x**
4	1.012415	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT		**x**
5	1.012416	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT		**x**
6	1.009407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế		**x**
7	1014037	Công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cổ truyền, dược liệu		**x**
8	1008395	Đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)		**x**
9	1008396	Đánh giá định kì việc duy trì đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)		**x**
10	1008397	Đánh giá thay đổi, bổ sung việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)		**x**
11	1008398	Cấp lại Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng		**x**
IV. LĨNH VỰC KHÁM CHỮA BỆNH (23)				
1	1012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý		**x**

		lâm sàng		
2	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		**x**
3	1.012291	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		**x**
4	1012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		**x**
5	1.012281	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS		**x**
6	1012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		**x**
7	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		**x**
8	1012276	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh		**x**
9	1.012275	Đăng ký hành nghề		**x**
10	1012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền		**x**
11	1012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		**x**

12	1.012273	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền		**x**
13	1.012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền		**x**
14	1.012260	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa		**x**
15	1.012262	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật		**x**
16	1.012261	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa		**x**
17	1.012258	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh		**x**
18	1.012257	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo		**x**
19	1.012256	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành		**x**
20	1.006780	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng		**x**
21	1.001138	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ		**x**
22	2.000559	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ		**x**
23	2.000552	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm		**x**
VI. LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH (37)				
1	1013895	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .		**x**
2	1013892	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành		**x**

		chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		
3	1013887	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .		**x**
4	1013889	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu		**x**
5	1013881	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng .		**x**
6	1013880	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ .		**x**
7	1013870	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		**x**
8	1013866	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế..		**x**
9	1013883	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu .		**x**
10	1013874	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .		**x**
11	1013872	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .		**x**
12	1013867	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .		**x**
13	1013886	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối		**x**

		với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu		
14	1013875	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu .		**x**
15	1013891	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .		**x**
16	1013868	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất.		**x**
17	1013893	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất.		**x**
18	1013890	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động		**x**
19	1013884	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn.		**x**
20	1013879	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.		**x**
21	1013869	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.		**x**
22	1013864	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp		
23	1013865	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm.		**x**
24	1013860	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp		**x**
25	1013878	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III.		**x**
26	1013873	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.		**x**
27	1013036	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế		**x**
28	1013037	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện		**x**

		các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế		
29	1003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II		**x**
30	1001386	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng		**x**
31	2000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng		**x**
32	1013035	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV		**x**
33	1013034	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng		**x**
34	2000993	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải		**x**
35	2000981	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa		**x**
36	2000972	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt		**x**
37	1.002204	Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người		**x**
VII. LĨNH VỰC MỸ PHẨM (6)				
1	1.009566	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu		**x**
2	1.003073	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm		**x**
3	1.003064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm		**x**
4	1.003055	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm		**x**
5	1.002600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước		**x**
6	1002238	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm		**x**
VIII. LĨNH VỰC THIẾT BỊ Y TẾ (6)				
1	3.000448	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	**x**	
2	3000447	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	**x**	

3	3.000449	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	**x**	
4	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	**x**	
5	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	**x**	
6	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	**x**	
IX. LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM (14)				
1	1014104	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		**x**
2	1014102	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động		**x**
3	1014101	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ		**x**
4	1014099	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược		**x**
5	1014090	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh		**x**
6	1014100	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)		**x**
7	1014076	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		**x**
8	1014078	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm		**x**

		thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định		
9	1014105	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt		**x**
10	1014092	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ		**x**
11	1014087	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		**x**
12	1014069	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc.		**x**
13	1014203	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc		**x**
14	1003068	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT		**x**
X. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM (13)				
1	1013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.		

2	1013858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi		
3	1013857	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.		**x**
4	1013854	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.		**x**
5	1013850	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.		**x**
6	1013844	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á-Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025		**x**
7	1013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi		**x**
8	1013847	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS).		**x**
9	1013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế		**x**
10	1013841	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và		**x**

		cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025.		
11	1013838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế.		**x**
12	1.013829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu.		**x**
13	1006424	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe		**x**
XI. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (6)				
1	1013817	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội		**x**
2	1012993	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài		**x**
3	1012990	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội		**x**
4	1001806	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật		**x**
5	1116907	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội		**x**
6	1116908	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội		**x**
XII. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN (5)				
1	1.014010	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân		**x**
2	1.014011	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân		**x**
3	1.000091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân		**x**
4	2.000027	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		**x**
5	2.000025	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		**x**
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG CẤP TỈNH, XÃ				
I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI				
1	1116907	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội		**x**

2	1116908	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội		**x**
II. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI				
1	2001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân		**x**
III. LĨNH VỰC TRẺ EM				
4	1004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em		**x**
5	1004944	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em		**x**
IV. LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG				
6	1012422	Đề nghị xét tặng Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú"		**x**
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ				
I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (6)				
1	1014027	Thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội		**x**
2	1014028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội		**x**
3	1116909	Thực hiện trợ cấp xã hội và nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng		**x**
4	1116910	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội		**x**
5	1001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật		**x**
6	1001653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	**x**	
II. LĨNH VỰC TRẺ EM (4)				
1	2001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		**x**
2	1004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em		**x**
3	2001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em		**x**

4	2001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế		**x**

PHỤ LỤC II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG CUNG CẤP DVCTT HOẶC KHÔNG CUNG CẤP TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN TẬP TRUNG CỦA BỘ Y TẾ

*(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của UBND **phường Việt Hòa**)*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I. LĨNH VỰC DÂN SỐ VÀ TRẺ EM			
1	1014527	Đề nghị mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	Cơ sở KCB
2	1014331	Cấp Giấy chứng sinh	Cơ sở KCB
3	1014332	Cấp lại Giấy chứng sinh	Cơ sở KCB
II. LĨNH VỰC KHÁM CHỮA BỆNH			
1	1014128	Cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án	Cơ sở KCB
III. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC			
1	1012294	Kiểm tra và công nhận thành thạo ngôn ngữ trong khám bệnh, chữa bệnh	Cơ sở giáo dục
IV. LĨNH VỰC KHÁM CHỮA BỆNH			
	1002204	Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế
V. LĨNH VỰC BẢO HIỂM Y TẾ			
1	1014138	Ký phụ lục hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Bảo hiểm xã hội
2	1014139	Ký phụ lục hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Bảo hiểm xã hội
3	1014137	Thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế	Bảo hiểm xã hội
4	1014140	Thủ tục thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và người tham gia bảo hiểm y tế	Bảo hiểm xã hội
5	1014193	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Bảo hiểm xã hội
6	3000499	Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Bảo hiểm xã hội